

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Tư Nghĩa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2017 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 59/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Tư Nghĩa;

Theo đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa tại Tờ trình số 01/TTr-UBND ngày 06/01/2017 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Tư Nghĩa và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 229/TTr-STNMT ngày 16/01/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Tư Nghĩa,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2017 của huyện Tư Nghĩa, với các nội dung sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch (*chi tiết tại Biểu 01 kèm theo*).
2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2017 (*chi tiết tại Biểu 02 kèm theo*).
3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2017 (*chi tiết tại Biểu 03 kèm theo*).
4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2017 (*chi tiết tại*

Biểu 04 kèm theo).

5. Danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp

a) Tổng danh mục các công trình, dự án thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất 2017 là 66 công trình, dự án, với tổng diện tích 163,70 ha. Trong đó:

- Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2015 chuyển sang năm 2016 nay chuyển tiếp sang năm 2017 là 02 công trình, với tổng diện tích 11,19 ha.

(Có phụ biểu 01 kèm theo)

- Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2016 chuyển sang năm 2017 là 04 công trình, với tổng diện tích 10,23 ha.

(Có phụ biểu 02 kèm theo)

- Danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất năm 2017 là 43 công trình, với tổng diện tích 85,68 ha.

(Có phụ biểu 03 kèm theo)

- Danh mục công trình, dự án không thuộc quy định tại Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai năm 2013 (Thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Quảng Ngãi) năm 2017 gồm có: 17 công trình, dự án, với tổng diện tích là 56,60 ha.

(Có phụ biểu 09 kèm theo)

b) Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp của huyện Tư Nghĩa năm 2017 (Quy định tại Khoản 1, Điều 58 Luật Đất đai năm 2013) gồm có: 32 công trình, dự án, với tổng diện tích: 43,29 ha. Trong đó:

- Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2015 chuyển sang 2016 nay chuyển tiếp sang năm 2017 là 03 công trình, với tổng diện tích 3,80 ha.

(Có phụ biểu 04 kèm theo)

- Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2016 chuyển sang 2017 là 04 công trình, với tổng diện tích 2,53 ha.

(Có phụ biểu 05 kèm theo)

- Danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2017 là 25 công trình, với tổng diện tích 36,96 ha.

(Có phụ biểu 06 kèm theo)

6. Danh mục loại bỏ các công trình, dự án không thực hiện

a) Danh mục loại bỏ các công trình, dự án năm 2016 không tiếp tục thực hiện trong năm 2017

Có 05 công trình, dự án, với diện tích là 1,26 ha. Trong đó: Có 03 công trình, dự án phải thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai

và 02 công trình, dự án không thuộc quy định tại Khoản 3, Điều 62 Luật Đất đai. (Có phụ biểu 07 và phụ biểu 10 kèm theo)

b) Danh mục loại bỏ các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp: Không có.

7. Danh mục công trình, dự án tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất năm 2017

Có 20 công trình, dự án đăng ký tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trong năm 2017 (Có phụ biểu 11 kèm theo).

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, UBND huyện Tư Nghĩa có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất và công bố hủy bỏ các công trình, dự án không triển khai thực hiện trong năm kế hoạch theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

3. Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt.

4. Đối với các dự án có sử dụng đất trồng lúa nằm trong quy hoạch đất lúa, UBND huyện Tư Nghĩa chủ động phối hợp với chủ đầu tư, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thống nhất biện pháp bổ sung diện tích đất lúa đã chuyển sang đất phi nông nghiệp hoặc tăng hiệu quả sử dụng đất lúa theo quy định tại Điều 134 Luật Đất đai.

5. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; trường hợp có phát sinh mới công trình, dự án trong năm kế hoạch sử dụng đất thì đề xuất UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để được điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP(NL), các Phòng nghiên cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh66).



Đặng Văn Minh



DIỆN TÍCH CÁC LOẠI ĐẤT TRONG NĂM KẾ HOẠCH 2017

Định số 109/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
			Thị trấn Sông Vệ	Nghĩa Trung	Nghĩa Lâm	Nghĩa Sơn	Nghĩa Thắng	Nghĩa Thọ	Nghĩa Thuận	Nghĩa Kỳ	Nghĩa Điền	Nghĩa Hòa	Nghĩa Thương	Nghĩa Hiệp	Nghĩa Mỹ	Nghĩa Phương		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
	Tổng diện tích tự nhiên		20.628,79	466,96	265,82	1.289,41	1.458,49	3.755,01	2.188,89	1.761,48	1.496,02	2.637,03	716,96	987,03	1.449,02	1.048,71	445,52	662,45
1	Đất nông nghiệp	NNP	15.419,90	218,15	122,87	1.005,65	781,11	3.191,00	1.809,67	1.643,96	1.172,70	1.949,42	514,31	589,50	1.023,24	697,42	302,82	358,08
1.1	Đất trồng lúa	LUA	4.133,68	112,76	61,24	511,61	218,45	66,17	365,88	72,43	301,11	539,12	195,54	240,97	706,41	411,44	137,05	195,50
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	4.067,42	112,76	61,24	511,61	218,45	40,43	365,88	70,02	286,01	516,11	195,54	240,97	706,41	411,44	137,05	195,50
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	4.669,00	89,17	61,63	494,03	276,09	71,26	816,28	56,99	592,80	832,52	286,23	218,39	308,12	261,36	160,94	143,19
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	800,92	15,62			132,64	53,25	161,94	34,65	89,22	183,13	30,33	52,03	8,25	11,24	4,81	23,81
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	2.090,35					1761,86		219,47		109,02						
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	3.581,74			148,17	1238,03	458,79	1260,30	173,32	268,06							345,07
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	102,12			5,76	0,43	5,45	0,12		3,15	0,24	78,11	0,46	8,38	0,02		
1.8	Đất làm muối	LMU																
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	42,09	0,60					1,33		16,25	14,42	1,97		5,00			2,52
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	4.390,27	235,91	140,39	276,78	492,90	110,57	342,13	107,41	314,40	674,33	182,40	380,37	413,13	338,64	131,96	945,95
2.1	Đất quốc phòng	CQP	42,36	2,54	0,01			20,34	6,52		12,95							
2.2	Đất an ninh	CAN	12,85	3,08	0,06						9,57			0,14				
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	16,81	8,74										8,07				
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	12,87	2,74	0,81	0,35	0,08		0,05	0,05	0,10	1,35		5,00	0,75	0,12	0,06	1,41
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	19,78	3,89	0,17		5,45				9,57			0,70				
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS																
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.250,46	78,33	31,62	119,50	89,33	27,52	116,31	59,24	105,29	185,73	79,56	80,34	120,81	78,96	25,23	52,69
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	1,74				0,28				0,13		0,23		0,47			0,63
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL																
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	21,71								21,71							
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	1.053,02			83,91	232,95	11,20	73,81	7,16	56,58	98,88	79,10	78,32	136,51	77,42	35,21	81,97
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	138,57	85,76	52,81													

LAWSON & ASSOCIATES Tel: +84-8-3930-3333

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				Thị trấn La Hà	Thị trấn Sông Vệ	Nghĩa Trung	Nghĩa Lâm	Nghĩa Sơn	Nghĩa Thắng	Nghĩa Thọ	Nghĩa Thuận	Nghĩa Kỳ	Nghĩa Điền	Nghĩa Hòa	Nghĩa Thương	Nghĩa Hiệp	Nghĩa Mỹ	Nghĩa Phượng	
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	10,07	3,28	0,12	0,57	0,15	0,21	1,60	0,33	0,53	0,22	0,33	0,14	0,67	1,37	0,27	0,28	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	10,01	2,30	0,03	0,53	0,13		1,85		0,22	4,12		0,07	0,09	0,50	0,02	0,15	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	11,94	2,68	0,60	2,00					0,17	0,28	0,43	2,27	1,55	0,72	0,79	0,45	
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	599,71	25,42	14,16	41,44	29,41	1,91	25,65	1,12	34,70	117,85	17,26	80,52	60,73	59,52	25,26	64,26	
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	82,15	3,52	0,24		1,57		5,19		24,79	30,99		1,13	5,60			9,12	
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	11,39	0,31	0,57	2,14	1,10	0,34	1,01		0,67	0,20	0,41	0,65	0,89	2,01	0,19	0,90	
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,62	0,58	0,04														
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	10,77	0,70	0,18	1,37	0,03		0,14		0,11	1,25	1,35	1,70	1,08	2,00	0,30	0,56	
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1.044,37	10,11	38,18	23,10	130,51	48,94	95,72	39,51	74,01	189,48	3,44	129,70	74,17	112,90	41,88	32,72	
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	38,87	1,75	0,77	1,88	1,91	0,11	14,28		4,28	3,00	0,52	0,30	1,34	2,65	2,76	1,32	
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,18	0,18															
3	Đất chưa sử dụng	CSD	818,59	12,88	2,56	6,97	184,48	453,45	37,10	10,11	8,93	13,26	20,25	17,14	12,65	12,65	10,74	15,22	
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN																	
5	Đất khu kinh tế*	KKT																	
6	Đất đô thị*	KDT	732,78	466,96	265,82														

LawSoft * Tel: 4-8-83399 * www.lawssoft.vn

Biểu 02



QUẠCH THU HỒI ĐẤT NĂM 2017 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA

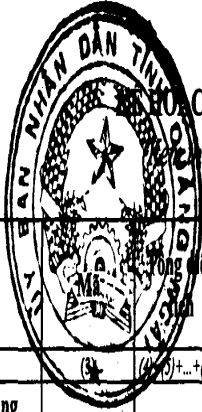
Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																
			(4)=(5)+...(19)	Thị trấn La Hà	Thị trấn Sông Vệ	Nghĩa Trung	Nghĩa Lâm	Nghĩa Sơn	Nghĩa Thắng	Nghĩa Thọ	Nghĩa Thuận	Nghĩa Kỳ	Nghĩa Điền	Nghĩa Hòa	Nghĩa Thương	Nghĩa Hiệp	Nghĩa Mỹ	Nghĩa Phương	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(19)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
1	Đất nông nghiệp	NNP	125,25	13,87	16,20	2,58	2,50	5,02	1,50	0,80	4,58	43,99	13,10	1,50	2,11	3,22	2,21	12,07	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	42,94	6,80	13,45	0,30		0,07			0,23	11,37	7,90		0,10	1,35	0,50	0,87	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	42,59	6,80	13,45	0,30		0,07			0,23	11,02	7,90		0,10	1,35	0,50	0,87	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	53,02	6,37	2,75	2,28	0,50	2,95	1,50	0,70	4,32	18,66	5,20	1,50	2,01	1,37	1,71	1,20	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	18,04	0,20			2,00			0,10	0,03	12,21				0,50		3,00	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	10,75					2,00				1,75						7,00	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS																	
1.8	Đất làm muối	LMU																	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,50	0,50															
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	15,17	4,31	1,08		0,23			0,05	0,35	3,67	3,84		0,12	0,55	0,69	0,28*	
2.1	Đất quốc phòng	QPP																	
2.2	Đất an ninh	CAN																	
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN																	
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD																	
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông	SKC	3,73	3,73															
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS																	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	2,26	0,16	0,10		0,23					0,33	0,22			0,55	0,39	0,28	
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT																	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL																	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA																	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	4,38							0,05	0,07	1,30	2,66				0,30		
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,80		0,80														
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC																	

www.lawsoft.vn Tel: 84 6 3930 3279

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				Thị trấn La Hà	Thị trấn Sông Vệ	Nghĩa Trung	Nghĩa Lâm	Nghĩa Sơn	Nghĩa Thăng	Nghĩa Thọ	Nghĩa Thuận	Nghĩa Kỳ	Nghĩa Điền	Nghĩa Hòa	Nghĩa Thương	Nghĩa Hiệp	Nghĩa Mỹ
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,26		0,17							0,09					
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG															
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON															
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	1,42		0,01						0,08	0,25	0,96		0,12		
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX															
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH															
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV															
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,01	0,01													
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	1,90								0,20	1,70					
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	0,41	0,41													
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK															



QUY ĐỊNH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA
 theo Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích (ha)	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				Thị trấn La Hà	Thị trấn Sông Vệ	Nghĩa Trung	Nghĩa Lâm	Nghĩa Sơn	Nghĩa Thắng	Nghĩa Thọ	Nghĩa Thuận	Nghĩa Kỳ	Nghĩa Điền	Nghĩa Hòa	Nghĩa Thương	Nghĩa Hiệp	Nghĩa Mỹ	Nghĩa Thượng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	117,67	13,87	16,20	0,30	2,50	5,02	1,50	0,80	2,48	38,25	13,10	1,50	2,11	3,22	2,21	2,07	
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	42,94	6,80	13,45	0,30		0,07			0,23	11,37	7,90		0,10	1,35	0,50	0,87	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	42,59	6,80	13,45	0,30		0,07			0,23	11,02	7,90		0,10	1,35	0,50	0,87	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	49,18	6,37	2,75	2,28	0,50	2,95	1,50	0,70	2,48	16,66	5,20	1,50	2,01	1,37	1,71	1,20	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	14,30	0,20			2,00			0,10	0,03	8,47				0,50		3,00	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN																	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD/PNN																	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	10,75					2,00				1,75						7,00	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS/PNN																	
1.8	Đất làm muối	LMU/PNN																	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH/PNN	0,50	0,50															
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		5,20	3,70									1,15			0,05	0,30		
2.1	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm	LUA/CLN																	
2.2	Đất trồng lúa chuyển sang đất trồng rừng	LUA/LNP																	
2.3	Đất trồng lúa chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	LUA/NTS																	
2.4	Đất trồng lúa chuyển sang đất làm muối	LUA/LMU																	
2.5	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất nuôi trồng thủy sản	HNK/NTS																	
2.6	Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất làm muối	HNK/LMU																	
2.7	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RSX/NKR ⁽⁴⁾																	

LawSoft * Tel: +84 8 3930 3270 * www.ThuVienPhapLuat.vn

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính													
				Thị trấn La Hà	Thị trấn Sông Vệ	Nghĩa Trung	Nghĩa Lâm	Nghĩa Sơn	Nghĩa Thắng	Nghĩa Thọ	Nghĩa Thuận	Nghĩa Kỳ	Nghĩa Điền	Nghĩa Hòa	Nghĩa Thương	Nghĩa Hiệp	Nghĩa Mỹ
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RDD/NKR ^(a)															
2.9	Đất rừng phòng hộ chuyển sang đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác	RPH/NKR ^(a)															
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	5,20	3,70								1,15			0,05	0,30	

Ghi chú: (a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác

PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở



BIỂU 04: DIỆN TÍCH ĐẤT CHƯA SỬ DỤNG VÀO SỬ DỤNG NĂM 2017 CỦA HUYỆN TỬ NGHĨA
 Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị tính: ha

TT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính															
				Thị trấn La Hà	Thị trấn Sông Vệ	Nghĩa Trung	Nghĩa Lâm	Nghĩa Sơn	Nghĩa Thăng	Nghĩa Thọ	Nghĩa Thuận	Nghĩa Kỳ	Nghĩa Điền	Nghĩa Hòa	Nghĩa Thương	Nghĩa Hiệp	Nghĩa Mỹ	Nghĩa Phương	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(19)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	
	Tổng diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng		6,03	0,60									0,11		0,05	0,20			
1	Đất nông nghiệp	NNP																	
1.1	Đất trồng lúa	LUA																	
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC																	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK																	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN																	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																	
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX																	
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS																	
1.8	Đất làm muối	LMU																	
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH																	
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6,03	0,60									0,11		0,05	0,20			
2.1	Đất quốc phòng	QOP																	
2.2	Đất an ninh	CAN	0,10	0,10															
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK																	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN																	
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD																	
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC																	
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS																	
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,10										0,10						
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT																	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL																	
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA																	
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,08										0,01					0,07	
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	0,50	0,50															
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC																	
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS																	
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																	
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON																	

LawSoft
 Tel: +84-8-3930 3279
 www.ThuVienPhapLuat.com

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính														
				Thị trấn La Hà	Thị trấn Sông Vệ	Nghĩa Trung	Nghĩa Lâm	Nghĩa Sơn	Nghĩa Thắng	Nghĩa Thọ	Nghĩa Thuận	Nghĩa Kỳ	Nghĩa Điền	Nghĩa Hòa	Nghĩa Thương	Nghĩa Hiệp	Nghĩa Mỹ	Nghĩa Phương
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	5,00															5,00
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX																
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,25											0,05	0,20			
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV																
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN																
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON																
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC																
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK																

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2015 CHUYỂN SANG NĂM 2016, CHUYỂN TIẾP NĂM 2017



Quy định số /QĐ-UBND ngày /01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Đường Nghĩa Kỳ - Nghĩa địa TP. Quảng Ngãi (mở rộng)	3,30	Nghĩa Kỳ	Tờ 17,22,27,28	CV số 2612/UBND ngày 29/8/2014 về việc thỏa thuận tỷ lệ vốn đầu tư dự án Đường Nghĩa Kỳ - Nghĩa địa TP. Quảng Ngãi CV số 1860/UBND về việc đề nghị chuyển vốn để thực hiện đầu tư công trình: Nghĩa Kỳ - Nghĩa địa TP. Quảng Ngãi	3.800			1.634		2.166	Đang kiểm kê, lập phương án bồi thường (Thông báo thu hồi đất số 98/TB-UBND ngày 24/4/2015 về việc thu hồi đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất tại Nghĩa Kỳ)
2	Hệ thống hạ tầng khu dân cư trực đường Bầu Giang - Cầu mới	7,89	Nghĩa Điền	Tờ 4, 5	QĐ số 1874/QĐ-UBND ngày 10/8/2006 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống hạ tầng KDC trực đường Bầu Giang - Cầu Mới	10.000			10.000			Đang kiểm kê, lập phương án bồi thường (Thông báo thu hồi số 537-746/TB-UBND ngày 30/5/2016 của UBND huyện)
Tổng cộng		11,19				13.800	-	-	11.634	-	2.166	

www.ThuVienPhapLuat.vn
Tel: +84 8 3930 3279

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
4	Nhà văn hóa thôn Mỹ Hòa	0,09	Nghĩa Mỹ	Tờ 7: thửa 115, 118	<p>QĐ số 781/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phân bổ kinh phí để xây dựng Nhà văn hóa thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện Tư Nghĩa</p> <p>CV số 431/UBND ngày 9/3/2016 của UBND huyện về việc thỏa thuận nguồn vốn ngân sách huyện hỗ trợ để đầu tư các công trình trên địa bàn xã Nghĩa Mỹ</p>	100			100		
Tổng cộng		10,23				9.890	9.000	790	100		

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2017 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA

(Kế hoạch công trình, dự án số 109 /QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Tờ bản đồ (thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Di tích vụ thảm sát thôn 2	0,23	Nghĩa Lâm	Tờ 5	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện								Không bồi thường
2	Mở rộng Trường Tiểu học xã Nghĩa Sơn	0,22	Nghĩa Sơn	Tờ BĐ số 9, thửa đất số: 378; 384; 410; 419; 436	QĐ số 8571/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016. Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 về phê duyệt báo cáo KT-KT xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất thuộc trường TH xã Nghĩa Sơn	100			100				
3	Nhà văn hóa xã Nghĩa Sơn	0,20	Nghĩa Sơn	Tờ BĐ số 9, thửa đất số: 417; 415; 444; 438; 354; 346	QĐ 2029/QĐ-UBND 17/5/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách Tỉnh phân cấp cho ngân sách huyện; phân bổ nguồn vốn vượt thu dự toán HĐND huyện giao năm 2015 và nguồn vốn thu từ quỹ đất, vốn ngân sách tỉnh phân cấp cho ngân sách huyện năm 2015 chưa sử dụng hết.								Đã xây dựng xong, chỉ thực hiện thu hồi và giao đất

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
4	Nhà văn hóa thôn Điện An 1	0,12	Nghĩa Thương	Tờ BĐ số 5, thửa đất số: 1774	QĐ số 1043/QĐ-UBND 24/3/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phân bổ kinh phí để xây dựng nhà văn hóa thôn của xã Nghĩa Thương và Nghĩa Phương thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM						Không bồi thường	
5	Nhà văn hóa thôn Điện An 4	0,05	Nghĩa Thương	Tờ BĐ số 19, thửa đất số: 563	QĐ số 1043/QĐ-UBND 24/3/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phân bổ kinh phí để xây dựng nhà văn hóa thôn của xã Nghĩa Thương và Nghĩa Phương thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM						Không bồi thường	
6	Nhà văn hóa thôn Vạn An 3	0,05	Nghĩa Thương	Tờ BĐ số 5, thửa đất số: 778	QĐ số 1043/QĐ-UBND 24/3/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phân bổ kinh phí để xây dựng nhà văn hóa thôn của xã Nghĩa Thương và Nghĩa Phương thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM						Không bồi thường	
7	Nhà văn hóa thôn An Đại 3	0,05	Nghĩa Phương	Tờ 9: thửa 957	QĐ số 1043/QĐ-UBND 24/3/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phân bổ kinh phí để xây dựng nhà văn hóa thôn của xã Nghĩa Thương và Nghĩa Phương thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM						Không bồi thường	
8	Nhà văn hóa xã Nghĩa Kỳ	0,20	Nghĩa Kỳ	Tờ 12	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện	200		200				

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
9	Khu dân cư An Hội Bắc 1 (mở rộng)	0,7	Nghĩa Kỳ	Tờ 12	QĐ số 3557/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư An Hội bắc 1 (mở rộng)	620			620			
10	Đường Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thuận - Suối Mơ (3,5 km, QH11.5)	1,53	Nghĩa Kỳ	Tờ 23, 24, 25	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện QĐ số 4034/QĐ-UBND ngày 5/9/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa quyết định chủ trương đầu tư xây dựng công trình Đường Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thuận - Suối Mơ	760			760			
11	Trường mầm non xã Nghĩa Thuận	0,32	Nghĩa Thuận	Tờ 12	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện QĐ số 11301/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư: Trường mầm non Nghĩa Thuận	200			200			
12	Nhà văn hóa thôn Nam Phước	0,07	Nghĩa Thuận	Tờ 05	QĐ số 1010/QĐ-UBND ngày 9/06/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương và vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016							Không bồi thường

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
13	Nhà văn hóa xã Nghĩa Hiệp	1,20	Nghĩa Hiệp	Tờ 20 (thửa 56, 223, 224)	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện						Không bồi thường	
14	Di tích tượng đài bốn dũng sĩ Nghĩa Hiệp	0,18	Nghĩa Hiệp	Tờ 9	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện						Không bồi thường	
15	Mở rộng Trường mầm non Nghĩa Trung	0,30	Nghĩa Trung	Tờ 10: thửa 244, 277-280	<p>QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện</p> <p>QĐ số 6642/QĐ-UBND ngày 26/9/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư: Trường mầm non Nghĩa Trung</p>	270		270				
16	Nhà văn hóa xã Nghĩa Trung	0,28	Nghĩa Trung	Tờ 10	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện	210	126	36		48		
17	Nhà văn hóa xã Nghĩa Điền	0,20	Nghĩa Điền	Tờ 9	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện	150	90	26		35		

LawSoft * Tel: +84-8-39363279 * www.LawVietnam.com.vn

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
18	Nhà văn hóa thôn Điện Long	0,05	Nghĩa Điền	Tờ 6	QĐ số 1010/QĐ-UBND ngày 9/06/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương và vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016						Không bồi thường	
19	Khu dân cư xã Nghĩa Mỹ; (KDC Cù Hù (phía Bắc; KDC Ông Tổng; KDC Mỹ Hòa)	0,71	Nghĩa Mỹ	Tờ 6 và Tờ 7	Quyết định số 949B/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình khu dân cư xã Nghĩa Mỹ;						Không bồi thường	
20	Nhà văn hóa thôn Bách Mỹ	0,10	Nghĩa Mỹ	Tờ 9: thửa 69, 70	QĐ số 781/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phân bổ kinh phí để xây dựng Nhà văn hóa thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện Tư Nghĩa CV số 431/UBND ngày 9/3/2016 của UBND huyện về việc thỏa thuận nguồn vốn ngân sách huyện hỗ trợ đề đầu tư các công trình trên địa bàn xã Nghĩa Mỹ						Không bồi thường	
21	Đập dâng Ruộng Ngót	0,30	Nghĩa Thọ	Tờ 5	QĐ số 236/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kinh phí và giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016 từ nguồn thu vượt dự toán HĐND tỉnh giao và nguồn (dự kiến) Thương vượt thu năm 2015	100	100					

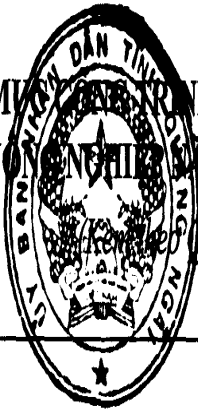
TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
22	Mở rộng Trạm Y tế xã Nghĩa Thọ	0,05	Nghĩa Thọ	Tờ 3	QĐ số 316/QĐ-UBND ngày 12/12/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2014 QĐ số 1299/QĐ-UBND ngày 15/5/2014 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ để GPMB xây dựng công trình mở rộng Trạm y tế xã Nghĩa Thọ						Đã bồi thường và xây dựng xong	
23	Đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ	4,00	thị trấn Sông Vệ	Tờ 3,8,9,14	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 v/v giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện	3.500		3.500				
24	Khu dân cư phía Đông đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ	3,40	thị trấn Sông Vệ	Tờ 9,14	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 v/v giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện	3.100		3.100				
25	Khu dân cư phía Tây đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ	9,10	thị trấn Sông Vệ	Tờ 8,14	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 v/v giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện	8.000		8.000				
26	Mở rộng Trường Mầm non bán trú tại Vườn Xùì thị trấn Sông Vệ	0,50	thị trấn Sông Vệ	Tờ 14	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 v/v giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện QĐ số 6626/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 v/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng trường Mầm non bán trú tại Vườn Xùì, thị trấn Sông Vệ	400		400				

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
27	Nhà văn hóa tổ dân phố Sông Vệ	0,05	TT Sông Vệ	Tờ 17	QĐ số 781/QĐ-UBND ngày 02/3/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phân bổ kinh phí để xây dựng Nhà văn hóa thôn, tổ dân phố trên địa bàn huyện Tư Nghĩa						Không bồi thường	
28	Khu dân cư phục vụ tái định cư các dự án trên địa bàn huyện Tư Nghĩa	2,80	TT La Hà	Tờ 12	QĐ 3644/QĐ-UBND ngày 17/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư	2.000		2.000				
29	KDC phía Nam C19, huyện Tư Nghĩa	3,00	TT La Hà	Tờ 24, 27	QĐ 6490/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư...	2.500		2.500				
30	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa	3,10	Nghĩa Điền	Tờ 4,9 và 13	QĐ số 577/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi v/v giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2016 để thực hiện đầu tư năm 2017	5.000	5.000					
31	Đường Nghĩa Phương - Nghĩa Mỹ	2,00	Nghĩa Phương Nghĩa Mỹ	Tờ 9 (Nghĩa Phương) Tờ 1 (Nghĩa Mỹ)	QĐ số 577/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi v/v giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2016 để thực hiện đầu tư năm 2017	1.800		1.800				
32	Đường trục chính phía Tây thị trấn La Hà	5,00	TT La Hà	Tờ 10, 17, 22	QĐ số 577/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi v/v giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2016 để thực hiện đầu tư năm 2017	5.500		5.500				

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
33	Đường Nguyễn Công Phương (giai đoạn 2), thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ Ngã năm mới đến nút giao đường Bàu Giang - Cầu Mới)	0,04	Nghĩa Điền	Tờ 4	QĐ số 12477/QĐ-UBND ngày 20/10/2016 của UBND huyện v/v phê duyệt phương án bồi thường và hỗ trợ để giải phóng mặt bằng thực hiện công trình: Đường Nguyễn Công Phương (giai đoạn 2), thành phố Quảng Ngãi (đoạn từ Ngã năm mới đến nút giao đường Bàu Giang - Cầu Mới)	200		200				
34	Khu tái định cư Gò Thần, xã Nghĩa Sơn	2,00	Nghĩa Sơn	Tờ 3 (bản đồ đất lâm nghiệp tỷ lệ 1/5000)	QĐ số 2090/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi v/v phê duyệt chủ trương đầu tư khẩn cấp dự án: Khu tái định cư Gò Thần, xã Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa	1.000		1.000				
35	Khu dân cư số 3 - Gò Bằng, xã Nghĩa Hiệp	0,80	Nghĩa Hiệp	Tờ 11	Công văn số 2294B/UBND ngày 07/10/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư số 3 - Gò Bằng, xã Nghĩa Hiệp	750				750		
36	Khu dân cư số 1 - Chợ chiều Hải Châu và Khu dân cư số 2 - Cạnh Gò Đồn, xã Nghĩa Hiệp	0,50	Nghĩa Hiệp	Tờ 11	Công văn số 2295B/UBND ngày 07/10/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư số 1 - Chợ chiều Hải Châu và Khu dân cư số 2 - Cạnh Gò Đồn, xã Nghĩa Hiệp	200				200		
37	Nghĩa trang sinh thái Hoa Viên Vĩnh Hằng (giai đoạn 1)	14,50	Nghĩa Kỳ	Tờ 32	CV số 5548/UBND-CN XD ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh về việc lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và đầu tư dự án đầu tư xây dựng dự án Nghĩa trang sinh thái Hoa Viên Vĩnh Hằng-Quảng Ngãi	7000					7000	
38	Khu dân cư Nghĩa Điền	8,00	Nghĩa Điền	Tờ 9	CV số 5319/UBND-CN XD ngày 23/9/2016 của UBND tỉnh về việc đầu tư xây dựng dự án KDC Nghĩa Điền	5000					5000	

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
39	Dự án đường dây 110KV TBA 220VKV Quảng Ngãi - Núi Bút	0,15	TT Sông Vệ Nghĩa Hiệp Nghĩa Thương	TT Sông Vệ Nghĩa Hiệp Nghĩa Thương TT La Hà	QĐ số 9154/QĐ-EVNPCP ngày 29/12/2015 của Tổng Công ty Điện lực miền Trung về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường dây 110KV TBA 220VKV Quảng Ngãi - Núi Bút	200					200	
40	Chỉnh trang KDC Đông Bầu Giang, TT La Hà	3,20	TT La Hà	Tờ 5	QĐ số 2555/QĐ-UBND ngày 8/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Chỉnh trang KDC Đông Bầu Giang, TT La Hà	500			500			
41	Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa	0,30	TT La Hà	Tờ 22	CV số 6613/UBND-CN XD ngày 16/11/2016 của UBND tỉnh về việc giới thiệu địa điểm để xây dựng Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa	300		300				
42	Nhà máy xử lý chất thải nông nghiệp An Hội	1,58	Nghĩa Kỳ	Tờ 33,36	QĐ số 2379/QĐ-UBND ngày 28/11/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án: Nhà máy xử lý chất thải nông nghiệp An Hội	600					600	
43	Nghĩa trang sinh thái Hoa Viên Vĩnh Hằng	15,00	Nghĩa Phương	Tờ 8	CV số 7007/UBND-CN XD ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh về việc giới thiệu địa điểm đầu tư xây dựng dự án Nghĩa trang sinh thái Hoa Viên Vĩnh Hằng	4.000					4.000	
Tổng cộng		85,68				54.160,00	5.216,00	8.961,20	22.150,00	950,00	16.882,80	

Phụ biểu 04



DANH MỤC DỰ ÁN RPH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2015 CHUYỂN SANG NĂM 2016, CHUYỂN TIẾP NĂM 2017 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA

Quyết định số 109 /QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Đường Nghĩa Kỳ - Nghĩa Địa TP Quảng Ngãi	3,30	0,50		Nghĩa Kỳ	Tờ 17,22,27,28	Đang kiểm kê, lập phương án bồi thường (Thông báo thu hồi đất số 98 ngày 24/4/2016 của UBND huyện)
2	Hệ thống hạ tầng khu dân cư trục đường Bàu Giang - Cầu mới	7,89	0,40		Nghĩa Điền	Tờ 4, 5	Đang kiểm kê, lập phương án bồi thường (Thông báo thu hồi đất số 537-746/TB-UBND ngày 30/5/2016 của UBND huyện)
3	Mở rộng trường Đại học Tài chính Kế toán	8,44	2,90		thị trấn La Hà	Tờ 12	Quyết định số 8747-8750 /QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân
Tổng cộng		19,63	3,80				

www.ThuVienPhapLuat.vn

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG
MỤC ĐÍCH CÔNG NGHIỆP NĂM 2016 CHUYỂN SANG NĂM 2017 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA**



Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LƯA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Điểm dân cư Cửa mương trên	0,50	0,27		Nghĩa Phương	Tờ 3	Đang kiểm kê, lập phương án bồi thường (Thông báo thu hồi đất số 1068-1070/TB-UBND ngày 19/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa)
2	Mở rộng trụ sở làm việc công an huyện Tư Nghĩa	0,80	0,73		TT La Hà	Tờ 22, 23	Công văn số 1400/CAT-PV11 (PH41) ngày 02/7/2016 của Công an tỉnh Quảng Ngãi. V/v thống nhất vị trí mở rộng diện tích xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Tư Nghĩa
3	Nghĩa địa thành phố Quảng Ngãi (giai đoạn 2)	9,00	1,35		Nghĩa Kỳ	Tờ 32	Đang kiểm kê, lập phương án bồi thường (Quyết định số 11276-11299/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc thu hồi đất của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân)
4	Đường tránh lũ Xuân Phổ, Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thuận	0,64	0,18		Nghĩa Kỳ Nghĩa Thuận	Tờ 5, 6, 9 Nghĩa Thuận Tờ 4 Nghĩa Kỳ	QĐ số 236/QĐ-UBND ngày 20/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phân bổ kinh phí và giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016 từ nguồn thu vượt dự toán HĐND tỉnh giao và nguồn (dự kiến) Thường vượt thu năm 2015
Tổng cộng		10,94	2,53				

Phụ biểu



DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2017 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA

(Xem theo Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Mở rộng Trường Tiểu học xã Nghĩa Sơn	0,22	0,07		Nghĩa Sơn	Tờ BĐ số 9, thửa đất số: 378; 384; 410; 419; 436	QĐ số 8571/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016. Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 27/5/2016 về phê duyệt báo cáo KT-KT xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất thuộc trường TH xã Nghĩa Sơn
2	Nhà văn hóa thôn Vạn An 3	0,05	0,05		Nghĩa Thương	Tờ BĐ số 5, thửa đất số: 778	QĐ số 1043/QĐ-UBND 24/3/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phân bổ kinh phí để xây dựng nhà văn hóa thôn của xã Nghĩa Thương và Nghĩa Phương thuộc chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng NTM
3	Nhà văn hóa xã Nghĩa Kỳ	0,20	0,20		Nghĩa Kỳ	Tờ 12	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện
4	Khu dân cư An Hội Bắc 1 (mở rộng)	0,70	0,70		Nghĩa Kỳ	Tờ 12	QĐ số 3557/QĐ-UBND ngày 11/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu tái định cư An Hội bắc 1 (mở rộng)

+84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

Lawsoft

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
5	Đường Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thuận - Suối Mơ (3,5 km, QH11.5)	1,53	0,02		Nghĩa Kỳ	Tờ 23, 24, 25	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện QĐ số 4034/QĐ-UBND ngày 5/9/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa quyết định chủ trương đầu tư xây dựng công trình Đường Nghĩa Kỳ - Nghĩa Thuận - Suối Mơ
6	Di tích tượng đài bốn dũng sĩ Nghĩa Hiệp	0,18	0,18		Nghĩa Hiệp	Tờ 9	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện
7	Mở rộng Trường mầm non Nghĩa Trung	0,30	0,30		Nghĩa Trung	Tờ 10: thửa 244,277-280	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện
8	Nhà văn hóa xã Nghĩa Trung	0,28	0,05		Nghĩa Trung	Tờ 10	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện
9	Nhà văn hóa xã Nghĩa Điền	0,20	0,20		Nghĩa Điền	Tờ 9	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện
10	Khu dân cư xã Nghĩa Mỹ: (KDC Cù Hù (phía Bắc); KDC Ông Tổng; KDC Mỹ Hòa)	0,71	0,17		Nghĩa Mỹ	Tờ 6 và Tờ 7	Quyết định số 949B/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của Chủ tịch UBND huyện Tư Nghĩa về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình khu dân cư xã Nghĩa Mỹ;
11	Đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ	4,00	2,00		thị trấn Sông Vệ	Tờ 3,8,9,14	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 v/v giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
12	Khu dân cư phía Đông đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ	3,40	3,00		thị trấn Sông Vệ	Tờ 9,14	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 v/v giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện
13	KDC phía Tây đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn Sông Vệ	9,10	8,00		thị trấn Sông Vệ	Tờ 8,14	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 v/v giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện
14	Mở rộng Trường Mầm non bán trú tại Vườn Xùì thị trấn Sông Vệ	0,50	0,45		thị trấn Sông Vệ	Tờ 14	QĐ số 3549/QĐ-UBND ngày 10/8/2016 v/v giao danh mục công trình chuẩn bị đầu tư năm 2016 thuộc nguồn vốn ngân sách huyện QĐ số 6626/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 v/v phê duyệt điều chỉnh, bổ sung chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng trường Mầm non bán trú tại Vườn Xùì, thị trấn Sông Vệ
15	Khu dân cư phía Nam C19, huyện Tư Nghĩa	3,00	2,00		thị trấn La Hà	Tờ 24, 27	QĐ 6490/QĐ-UBND ngày 14/9/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phê duyệt chủ trương đầu tư...
16	Nâng cấp, mở rộng đường tỉnh Quảng Ngãi - Chợ Chùa	3,10	0,30		Nghĩa Điền	Tờ 4,9 và 13	QĐ số 577/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi v/v giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2016 để thực hiện đầu tư năm 2017
17	Đường Nghĩa Phương - Nghĩa Mỹ	2,00	0,80		Nghĩa Phương, Nghĩa Mỹ	Tờ 9 (Nghĩa Phương) Tờ 1 (Nghĩa Mỹ)	QĐ số 577/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi v/v giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2016 để thực hiện đầu tư năm 2017
18	Đường trục chính phía Tây thị trấn La Hà	5,00	2,00		thị trấn La Hà	Tờ 10, 17, 22	QĐ số 577/QĐ-UBND ngày 26/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi v/v giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư năm 2016 để thực hiện đầu tư năm 2017

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Trong đó		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
			Diện tích đất LUA (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
19	Khu dân cư số 3 - Gò Bằng, xã Nghĩa Hiệp	0,80	0,80		Nghĩa Hiệp	Tờ 11	Công văn số 2294B/UBND ngày 07/10/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư số 3 - Gò Bằng, xã Nghĩa Hiệp
20	Khu dân cư số 1 - Chợ chiều Hải Châu và Khu dân cư số 2 - Cạnh Gò Đồn, xã Nghĩa Hiệp	0,50	0,08		Nghĩa Hiệp	Tờ 11	Công văn số 2295B/UBND ngày 07/10/2016 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư số 1 - Chợ chiều Hải Châu và Khu dân cư số 2 Cạnh Gò Đồn, xã Nghĩa Hiệp
21	Trụ sở làm việc công an thị trấn La Hà	0,19	0,18		thị trấn La Hà	Tờ 11	Công văn số 2025/CV-PV11 (PH41) ngày 25/7/2016 của Công an tỉnh Quảng Ngãi. V/v chuẩn bị đất xây dựng trụ sở làm việc Công an thị trấn chính quy
22	Nghĩa trang sinh thái Hoa Viên Vĩnh Hằng (giai đoạn 1)	14,50	8,00		Nghĩa Kỳ	Tờ 32	CV số 5548/UBND-CN XD ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh về việc lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 và đầu tư dự án đầu tư xây dựng dự án Nghĩa trang sinh thái Hoa Viên Vĩnh Hằng Quảng Ngãi
23	Khu dân cư Nghĩa Điền	8,00	7,00		Nghĩa Điền	Tờ 9	CV số 5319/UBND-CN XD ngày 23/9/2016 của UBND tỉnh về việc đầu tư xây dựng dự án KDC Nghĩa Điền
24	Dự án đường dây 110KV TBA 220VKV Quảng Ngãi - Núi Bút	0,15	0,11		TT Sông Vệ, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Thương, TT La Hà	TT Sông Vệ, Nghĩa Hiệp, Nghĩa Thương, TT La Hà	QĐ số 9154/QĐ-EVNCPC ngày 29/12/2015 của Tổng Công ty Điện lực miền Trung về việc giao nhiệm vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình: Đường dây 110KV TBA 220VKV Quảng Ngãi - Núi Bút
25	Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa	0,30	0,30		thị trấn La Hà	Tờ 22	CV số 6613/UBND-CN XD ngày 16/11/2016 của UBND tỉnh về việc giới thiệu địa điểm để xây dựng Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa
Tổng cộng		58,86	36,96				

Phụ biểu 07

DANH MỤC LOẠI BỒI THƯỜNG, TÁI ĐỊNH CƯ CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT CỦA NĂM 2016 KHÔNG TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA



theo Quyết định số 109 /QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Nhà văn hóa thôn An Đại 1	0,05	Nghĩa Phương	Tờ 4	Kế hoạch số 76 ngày 30/10/2015 của UBND huyện về việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới năm 2016, huyện Tư Nghĩa								Không bồi thường
2	Đường điện phục vụ các KDC ở xã Nghĩa Phương	0,01	Nghĩa Phương	Tờ 1, 2, 3	QĐ 4981/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 của UBND huyện về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Đường điện phục vụ các KDC ở xã Nghĩa Phương và Quyết định số 8571/QĐ-UBND ngày 22/12/2015 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2016	3,50			3,50				
3	Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Nghĩa Lâm	0,40	Nghĩa Lâm	Tờ 17	QĐ số 26/QĐ-UBND ngày 8/01/2015 của UBND huyện về việc phân bổ kinh phí cho xã Nghĩa Lâm để xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng và các tiêu chí xây dựng Nông thôn mới								Không bồi thường
Tổng cộng		0,46				3,50			3,50				

LawSoft * Tel: +84-9-3930-3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẤT ĐAI CÔNG TRÌNH KHÔNG THUỘC KHOẢN 3 ĐIỀU 62 VÀ KHOẢN 1 ĐIỀU 58 LUẬT ĐẤT ĐAI TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2017 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA



Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định					Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
I CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN NĂM 2015 CHUYÊN TIẾP NĂM 2016, CHUYÊN SANG NĂM 2017: 04 Công trình											
1	Mở rộng trường Đại học Tài chính Kế toán (GD 1)	8,44	TT La Hà	Tờ 12	Quyết định số 6407/QĐ-UBND ngày 2/12/2015 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ để GPMB thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng mở rộng trường ĐH Tài chính - Kế toán						Quyết định số 8749/8750/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND huyện Tư Nghĩa về việc thu hồi đất của hộ gia đình cá nhân
2	Nhà máy nước thị trấn Sông Vệ	0,07	TT Sông Vệ	Tờ 3	Thông báo KL324 của CT UBND tỉnh tại buổi làm việc với UBND huyện Tư Nghĩa ngày 17/11/2014 về việc đồng ý chủ trương chấp thuận cho Công ty cổ phần cấp thoát nước và Xây dựng Quảng Ngãi mượn vốn để đầu tư ngay Hệ thống cấp nước sạch thị trấn Sông Vệ						
3	Trang trại chăn nuôi gà	2,20	Nghĩa Kỳ	Tờ 26	Thông báo kết luận số 636/TB-UBND ngày 3/12/2015 của đồng chí Lê Trung Thành, Phó chủ tịch UBND huyện tại cuộc họp xem xét dự án đầu tư trang trại chăn nuôi gà an toàn sinh học tại xã Nghĩa Kỳ và yêu cầu chủ dự án bổ sung hoàn thiện các hồ sơ cần thiết trình UBND tỉnh cho thuê đất						Đang thỏa thuận đền bù với dân

LawSoft * Tel: 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

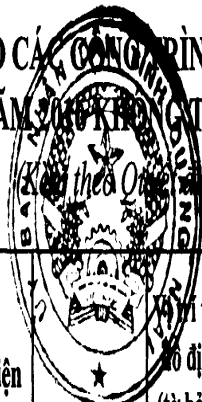
TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định					Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
4	Trang trại chăn nuôi bò sinh sản	3,84	Nghĩa Thuận	Tờ 01	CV số 204 ngày 10/10/2016 của UBND huyện về việc cho chủ trương đầu tư đối với dự án trang trại chăn nuôi bò						Đang thỏa thuận đền bù với dân
4	Tổng (I)	14,55									
II CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN NĂM 2016 CHUYỂN SANG NĂM 2017: 06 Công trình											
1	Mở rộng hệ thống cấp nước TP. Quảng Ngãi	1,92	Nghĩa Kỳ	Tờ 3,4, 5, 8, 13, 17, 18, 23	Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp Quyết định chủ trương đầu tư dự án Mở rộng hệ thống cấp nước TP Quảng Ngãi. Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết - tỷ lệ 1/500 Nhà máy nước Quảng Ngãi						
2	Nhà máy cấp nước sinh hoạt tỉnh Quảng Ngãi	13,06	Nghĩa Kỳ Nghĩa Thuận	Tờ 3,5 (Nghĩa Thuận), Tờ 1,3,4 (Nghĩa Kỳ)	Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 29/10/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi cấp Quyết định chủ trương đầu tư dự án Nhà máy nước Quảng Ngãi. Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết - tỷ lệ 1/500 Nhà máy nước Quảng Ngãi						
3	Cơ sở chăn nuôi heo giống và heo thịt	0,72	Nghĩa Kỳ	Tờ 33	QĐ số 1405/QĐ-UBND ngày 3/8/2016 của UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư Dự án Cơ sở chăn nuôi heo giống và heo thịt						Đang thỏa thuận đền bù với dân
4	Trang trại chăn nuôi heo - EVAP	0,82	Nghĩa Kỳ	Tờ 33	QĐ số 1403/QĐ-UBND ngày 3/8/2016 của UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư Dự án Trang trại chăn nuôi heo - EVAP						Đang thỏa thuận đền bù với dân

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định					Ghi chú
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó				
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
5	Mở rộng trụ sở làm việc công an huyện Tư Nghĩa	0,80	TT La Hà	Tờ 22, 23	Công văn số 1400/CAT-PV11 (PH41) ngày 02/7/2016 của Công an tỉnh Quảng Ngãi. V/v thống nhất vị trí mở rộng diện tích xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Tư Nghĩa						Đang trình Sở TN&MT kiểm tra bản đồ thửa đất thông báo thu hồi đất
6	Công ty CP điện Tư Nghĩa	0,43	Thị trấn La Hà	Tờ 9	TB số 581/TB-UBND ngày 5/11/2015 về việc xác định vị trí cho Công ty Cổ phần điện huyện thuê đất để xây dựng trụ sở làm việc						Đang kiểm kê, lập phương án bồi thường
6	Tổng (II)	17,75									
III CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐĂNG KÝ NĂM 2017: 07 Công trình											
1	Trụ sở làm việc công an thị trấn La Hà	0,19	TT La Hà	Tờ 11	Công văn số 2025/CV-PV11 (PH41) ngày 25/7/2016 của Công an tỉnh Quảng Ngãi. V/v chuẩn bị đất xây dựng trụ sở làm việc Công an thị trấn chính quy						Công an huyện
2	Trụ sở làm việc Công an thị trấn Sông Vệ	0,05	TT Sông Vệ	Tờ số 4	Công văn số 2025/CV-PV11 (PH41) ngày 25/7/2016 của Công an tỉnh Quảng Ngãi. V/v chuẩn bị đất xây dựng trụ sở làm việc Công an thị trấn chính quy						Công an huyện
3	Trụ sở làm việc Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy khu vực số 04	1,17	TT La Hà	Tờ 18	Công văn số 6998/UBND-CNXD ngày 02/12/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi. V/v giới thiệu địa điểm để xây dựng Trụ sở làm việc Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy khu vực số 04						Công an tỉnh
4	Mở rộng Xi nghiệp chế biến gỗ Tư Nghĩa	0,40	TT La Hà	Tờ 18	Thông báo số 65-TB/HU ngày 24/10/2016 của Đảng bộ huyện ủy Tư Nghĩa v/v Xi nghiệp chế biến gỗ Tư Nghĩa xin thuê đất						Xi nghiệp chế biến gỗ Tư Nghĩa

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (từ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định					Ghi chú	
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó					Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		
5	Nhà máy sản xuất và chế biến lâm sản (Công ty TNHH MTV Thuận Hưng)	0,43	TT La Hà	Tờ 18	Thông báo số 61-TB/VPFU ngày 11/11/2016 về việc thống nhất chủ trương cho Xi nghiệp chế biến gỗ Tư Nghĩa và cho Công ty TNHH MTV Thuận Hưng thuê đất						(Công ty TNHH MTV Thuận Hưng)	
6	Nhà máy sản xuất đường Glucose, Maltose lỏng (mạch nha công nghiệp)	2,06	Nghĩa Lâm	Tờ 17	Công văn số 6640/UBND-CNXD ngày 17/11/2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giới thiệu địa điểm để xây dựng nhà máy: Nhà máy sản xuất đường Glucose, Maltose lỏng (mạch nha công nghiệp)						Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Sinh Lộc	
7	Chuyển mục đích từ đất nông nghiệp gắn liền với đất ở sang đất ở	20,00	Toàn huyện									
7	Tổng (III)	24,30										
17	Tổng (I) + (II) + (III)	56,60										

Phụ biểu 10

DANH MỤC LOẠI BỎ CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÔNG THUỘC KHOẢN 3 ĐIỀU 62 VÀ KHOẢN 1 ĐIỀU 58 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2016 KHI TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2017 CỦA HUYỆN TƯ NGHĨA



(Kèm theo Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên công trình, dự án	Diện tích quy hoạch (ha)	Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú		
						Tổng (triệu đồng)	Trong đó						
							Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Chợ xã Nghĩa Hiệp (Chợ Hải Châu)	0,30	Nghĩa Hiệp	Tờ 11	QĐ số 5686/QĐ-UBND ngày 16/11/2015 của UB huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Chợ xã Nghĩa Hiệp								
2	Cơ sở sản xuất tinh bột mì	0,50	Nghĩa Điền	Tờ 9									Công ty TNHH Anh Hy
Tổng cộng		0,80											

Ghi chú: www.ThienPhapLaw.vn
LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * Công ty TNHH Anh Hy

Phụ biểu 11

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN ĐĂNG KÝ ĐÁU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
 TẠI ĐỊA BÀN HUYỆN TƯ NGHĨA NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Tên công trình, dự án	Địa điểm (đến cấp xã)	Tổng số lô	Diện tích quy hoạch (ha)	Dự kiến thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Khu dân cư phía Nam UBND thị trấn La Hà	TT La Hà	77	1,02	Quý I/2017	
2	Khu dân cư phía Bắc trụ sở làm việc UBND huyện Tư Nghĩa	TT La Hà	107	1,84	Quý I/2017	
3	Khu dân cư dọc đường trục chính phía Tây trung tâm thị trấn La Hà	TT La Hà	218	3,34	Quý II/2017	
4	Khu dân cư Gò Dúi	xã Nghĩa Thắng	57	1,50	Quý II/2017	
5	Khu dân cư Vườn Xùì (đồng Bàu Bạo)	TT Sông Vệ	100	1,43	Quý I/2017	
6	Khu dân cư Cầu Ông Tổng	TT Sông Vệ	12	0,19	Quý II/2017	
7	Khu dân cư Tân Thanh	xã Nghĩa Hòa	40	0,65	Quý II/2017	
8	Khu dân cư Tây Cầu Đá	xã Nghĩa Hòa	3	0,05	Quý I/2017	
9	Khu dân cư xã Nghĩa Trung	xã Nghĩa Trung	15	0,36	Quý II/2017	
10	Khu dân cư đường Nghĩa Điền đi Quảng Phú	xã Nghĩa Điền	39	0,59	Quý III/2017	
11	Khu dân cư phía Tây đường trục chính phía Tây TT Sông Vệ	TT Sông Vệ	238	2,82	Quý III/2017	
12	Khu dân cư phía Nam C19	TT La Hà	118	1,50	Quý II/2017	
13	Khu dân cư Cống Bàu Sấu	xã Nghĩa Phương	9	0,18	Quý I/2017	
14	Khu dân cư Đông Nam Cụm công nghiệp La Hà	xã Nghĩa Thương	4	0,07	Quý I/2017	
15	KDC phía Nam đường La Hà - Nghĩa Thuận	TT La Hà	5	0,05	Quý I/2017	
16	Khu dân cư Cù Hù	xã Nghĩa Mỹ	9	0,17	Quý I/2017	
17	Khu dân cư nông thôn xã Nghĩa Trung	xã Nghĩa Trung	3	0,05	Quý I/2017	
18	Khu dân cư Gò Dúi (cũ)	xã Nghĩa Thắng	7	0,21	Quý I/2017	
19	Điểm dân cư Cửa Mương trên	xã Nghĩa Phương	21	0,30	Quý III/2017	
20	Khu tái định cư Nghĩa Thương	xã Nghĩa Thương	7	0,11	Quý I/2017	
Tổng			1.089	16,43		

LawSoft * Tel: +84-8-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn